

Thời gian làm bài 40 phút (Không kể thời gian giao đề)

Họ và tên học sinh: Lớp:.....

Trường:

<u>Điểm</u>	<u>Lời phê của giáo viên</u>
	
	
	

Phần I: Trắc nghiệm (4 điểm)

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

1. Phân số $\frac{1}{5}$ viết dưới dạng số thập phân là:

- A. 1,5 B. 2,0 C. 0,02 D. 0,2

2. Giá trị của chữ số 6 trong số 862 495 là:

- A. 60 000 B. 600 000 C. 600 D. 60

3. Phép trừ $712,54 - 48,9$ có kết quả đúng là:

- A. 70,765 B. 223,54 C. 663,64 D. 707,65

4. Số thích hợp viết vào chỗ chấm của $9 \text{ cm}^2 8 \text{ mm}^2 = \dots\dots\dots \text{ mm}^2$ là:

- A. 98 B. 908 C. 980 D. 9080

5. 7% của 250 là:

- A. 17 B. 17,5 C. 18 D. 18,5

6. 3,3 giờ =giờ.....phút. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

- A. 3 giờ 30 phút B. 3 giờ 15 phút C. 3 giờ 18 phút D. 3 giờ 12 phút

7. Hình hộp chữ nhật có chiều dài 1dm, chiều rộng 2cm, chiều cao 5cm thì thể tích hình hộp chữ nhật là:

- A. 10 dm^3 B. 10 dm^3 C. $0,1 \text{ dm}^3$ D. 1 dm^3

8. Lớp học có 18 nữ và 12 nam. Hỏi số học sinh nữ chiếm bao nhiêu phần trăm số học sinh cả lớp?

- A. 150%
- B. 60%
- C. 40%
- D. 80%

Phần II: Tự luận (6 điểm)

1. Tìm X (2 điểm)

a) $X + 5,84 = 9,16$

b) $X - 0,35 = 2,55$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

c) $1,8 \times X = 72$

d) $210 : X = 8,4$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Tính bằng cách thuận tiện nhất (1 điểm)

a) $69,78 + 35,97 + 30,22$

b) $8,3 \times 7,9 + 7,9 \times 1,7$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Một ô tô đi quãng đường 135km hết 3giờ. Một xe máy cũng đi quãng đường đó hết 4giờ 30 phút. Hỏi mỗi giờ ô tô đi được nhiều hơn xe máy bao nhiêu ki - lô- mét?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

HƯỚNG DẪN CÁCH KIỂM TRA VÀ ĐÁNH GIÁ CHO ĐIỂM

Bài kiểm tra định kỳ cuối học kỳ II

Năm học 2014- 2015

MÔN: Toán lớp 5

Phần I: Trắc nghiệm (4 điểm)

Câu	Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	Câu 6	Câu 7	Câu 8
Đáp án	D	A	C	B	B	C	C	B
Điểm	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5

Phần II: Tự luận (6 điểm)

Câu 1. (2 điểm)

$$\begin{aligned} \text{a) } X + 5,84 &= 9,16 \\ X &= 9,16 - 5,84 \\ X &= 3,32 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{b) } X - 0,35 &= 2,55 \\ X &= 2,55 + 0,35 \\ X &= 2,9 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{c) } 1,8 \times X &= 72 \\ X &= 72 : 1,8 \\ X &= 40 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{d) } 210 : X &= 8,4 \\ X &= 210 : 8,4 \\ X &= 25 \end{aligned}$$

Mỗi phép tính đúng được 0,5 điểm

Câu 2. (1 điểm)

$$\begin{aligned} \text{a) } 69,78 + 35,97 + 30,22 \\ &= (69,78 + 30,22) + 35,97 \\ &= 100 + 35,97 \\ &= 135,97 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{b) } 8,3 \times 7,9 + 7,9 \times 1,7 \\ &= (8,3 + 1,7) \times 7,9 \\ &= 10 \times 7,9 \\ &= 79 \end{aligned}$$

Mỗi phép tính đúng được 0,5 điểm

Câu 3. (3 điểm)

Bài giải

Vận tốc của ô tô là: 0,75 điểm

$$135 : 3 = 45 \text{ (km/ giờ)}$$

4 giờ 30 phút = 4,5 giờ 0,5 điểm

Vận tốc của xe máy là: 0,75 điểm

$$135 : 4,5 = 30 \text{ (km/giờ)}$$

Mỗi giờ ô tô đi được nhiều hơn xe máy số ki- lô- mét là: 0,75 điểm

$$45 - 30 = 15 \text{ (km)}$$

Đáp số: 15 km 0,25 điểm

* Lưu ý:

Tổng số điểm toàn bài được làm tròn theo nguyên tắc 0,5 thành 1 điểm.